

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LỚP MẪU GIÁO 4- 5 TUỔI
NĂM HỌC: 2024- 2025**

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1. Phát triển vận động			
1	- Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào thở ra ... - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước; sang 2 bên(Kết hợp với vẫy bàn tay, nắm mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lung, bụng; lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1->9.
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn, đi bằng gót chân, đi khuyu gối. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. + Bật nhảy.	- Đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi lùi. - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối * Bật – nhảy - Bật liên tục về phía trước - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật xa 35-40cm - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm) - Bật qua vật cản cao 10 – 15 cm - Nhảy lò cò 3m.	3 4 2 1, 2 5 3, 7,9 4 6,8, 9
3	Trẻ biết kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc theo vật chuẩn. - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc theo vật chuẩn.	5 7 9 8

		- Chạy chậm 60 – 80m.	7
4	<p>Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <p>+ Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m).</p> <p>+ Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).</p> <p>+ Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.</p>	<p>- Ném xa bằng 1 tay</p> <p>- Ném xa bằng 2 tay</p> <p>- Tung bóng lên cao và bắt bóng</p> <p>- Tung bắt bóng với người đối diện</p> <p>- Đập và bắt bóng tại chỗ.</p> <p>- Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân</p> <p>- Trèo lên, xuống 5 giống thang</p> <p>- Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).</p>	<p>5,9</p> <p>6</p> <p>1</p> <p>3</p> <p>4</p> <p>8</p> <p>8</p> <p>9</p>
5	<p>Trẻ có khả năng thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <p>+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.</p> <p>+ Ném trúng đích ngang (xa 2 m).</p> <p>+ Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</p>	<p>- Chạy liên tục 15m trong khoảng 10 giây.</p> <p>- Ném trúng đích ngang = 1 tay.</p> <p>- Bò dích dắc qua 5 điểm.</p> <p>- Bò chui qua cổng.</p> <p>- Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m</p> <p>- Bò bằng bàn tay bàn chân 3-4m</p> <p>- Trườn theo hướng thẳng</p> <p>- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm</p>	<p>6,9.</p> <p>7</p> <p>2, 7</p> <p>4</p> <p>5</p> <p>1</p> <p>3,8</p> <p>6</p>
6	<p>- Trẻ biết thực hiện được các vận động:</p> <p>+ Cuộn - xoay tròn cổ tay.</p> <p>+ Gập, mở, các ngón tay.</p>	<p>- Vo, xoáy, xoắn vặn, búng ngón tay, vê, véo vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...</p>	1, 2
7	<p>- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <p>+Vẽ hình người, nhà, cây.</p> <p>+ Cắt thành thạo theo đường thẳng.</p> <p>+ Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.</p> <p>+ Biết tết sợi đôi.</p> <p>+Tự cài,cởi cúc, buộc dây giày</p>	<p>- Tô, vẽ hình.</p> <p>- Xé, cắt đường thẳng.</p> <p>- Lắp ghép hình</p> <p>- Gập giấy.</p> <p>- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.</p>	<p>3</p> <p>3</p> <p>7</p> <p>7</p> <p>3,7</p>
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	<p>- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p> <p>+ Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.</p> <p>+ Rau,quả chín có nhiều vitamin.</p>	<p>- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).</p> <p>- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn của địa phương: khẩu sền, nạm sườn, thịt</p>	2,5, 6

9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo ...	sấy...). - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất, không kén chọn thức ăn. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,5,6
10	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		2
11	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: +Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. +Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. -Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tiết kiệm điện nước.	1,2 1,2 7 8
12	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	2
13	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống. + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	6
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định. + Phòng chống 1 số dịch bệnh.	+ Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. Nhận biết một số biểu hiện và cách phòng chống dịch theo mùa + Bỏ rác đúng nơi qui định.	2, 8 2 8 8 1 2 2
15	- Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp	- Nhận biết và phòng tránh những	3,4

	đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch..	hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: Kỹ năng ứng phó phù hợp với thiên tai ở địa phương.	
16	- Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước ... Là nơi nguy hiểm không được chơi gần		8
17	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép.	1,3,4,7. 3
18	- Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: +Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.		3,4,8
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
* Khám phá khoa học			
19	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật,	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Một số hiện tượng thiên tai	6,8 8

	hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... sắp xảy ra ở Điện Biên (mưa đá, động đất, lở, hạn hán...).	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	5,6.
20	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	2
21	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	8 8 3
22	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	5,6
23	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 1 - 2 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	1,3. 1,3 7 6 5,6
24	- Trẻ có khả năng nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	8
25	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho vấn đề đơn giản hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn...	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1,7

26	- Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.	8 8 8 5,6
27	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình ...	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	2,4.
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.			
28	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	1,2,4,5, 6, 8,9 1,2,4,5,
29	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.	1,2,4,5, 6, 8, 9
30	- Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		1,2,4,5, 6,8,9.
31	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,2,4, 5, 6, 8, 9.
32	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	3,4,5.
33	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3,4,5,
34	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).	3,7
35	- Trẻ có thể nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	3

36	- Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .	4, 8
37	- Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	7
38	- Trẻ có thể sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	7
39	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2
40	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8
* Khám phá xã hội			
41	- Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2
42	- Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
43	- Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (thôn/bản, xã, huyện, tỉnh) khi được hỏi, trò chuyện.		
44	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1
45	- Trẻ có thể nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		1
46	- Trẻ có thể nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1

	chuyện.		
47	- Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. - Trẻ biết kể tên một số ngành nghề của địa phương.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương, sản phẩm đặc sản của địa phương: gạo tám thơm, sésng cù, nếp cẩm...	4
48	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội của Điện Biên: Hội Đền Hoàng Công Chất, lễ hội hoa ban..., 7/5.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương Điện Biên, ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội hoa ban, di tích, đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, ...	1,3,4,6,7,9.
49	- Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của Điện Biên như: Đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, ...		9
III. Phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
50	- Trẻ biết thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu	1,2
51	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	1,2,4,5,6
52	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè gần gũi ở địa phương phù hợp với độ tuổi.	2->9
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.			
53	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ dân tộc biết sử dụng tiếng việt trong giao tiếp hàng ngày.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Tăng cường tiếng việt cho trẻ DT - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai?; cái gì?; ở đâu?; khi nào?; để làm gì?...	3,4.
54	- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	7,8

	điểm,...		
55	- Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	4,5,7,9
56	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	6,8,
57	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
58	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe	1-9
59	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch.	5
60	-Trẻ biết sử dụng các từ như: ‘Mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi’,... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1,3, 9
61	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4,7,9
3. Làm quen với việc đọc – viết.			
62	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	4,7
63	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- ”Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	5
64	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	5,7, 9
65	- Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,7
66	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: Tên, làm vé tàu,	- Nhận dạng một số chữ cái - Tập tô, tập đồ các nét chữ	3,4,7, 9

	thiệp chúc mừng,..	- Làm sách, tranh khổ lớn cùng giáo viên.	
IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.			
67	- Trẻ biết nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, mẹ.	- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính, dân tộc.	2,3
68	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được: Có thể nhặt rau, bóc quả, cho con vật ăn.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2,3,5
69	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	1,2,4,7,9
70	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi).	- Xếp ghế, kê bàn, xếp bát....	2,3,4,6
71	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình	2
72	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2
73	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.		9
74	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
75	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và vài nét văn hóa truyền thống.(trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở,...) của quê hương Điện Biên.	- Quan tâm đến di tích lịch sử (đồi A1, tượng đài chiến thắng, Hàm Đờ cát...), cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước và vài nét văn hóa truyền thống.(trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở,...) của quê hương Điện Biên. - Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.	9
76	- Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân	1,3

	ông bà, bố mẹ.	trong gia đình.	
77	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, khiêm tốn, giản dị, trung thực.	- Lắng nghe, ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, khiêm tốn, giản dị, trung thực.	2
78	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác..		1,3
79	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.	2,3
80	- Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn. Trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết, kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân	2,4,8
81	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc;	- Phân biệt hành vi “đúng” – “ sai”, “tốt”- “xấu”.	5,6
82	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. Nhận biết thái độ, hành vi bảo vệ môi trường.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Thái độ và hành vi bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối, môi trường.	1, 7,8
83	Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa		5,6
84	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	1,5,6,7, 8

V. Phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

85	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1,2,4,6, 8,9
86	- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Trẻ được nghe các loại nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi, dân ca), nhạc cụ dân gian của địa phương.	3,4,5, 7->9
87	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn,		

	chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		4,8,9
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
88	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.	1->9
89	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1->9
90	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình của địa phương để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình của địa phương, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	1,2,4,6,7,9.
91	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		1,2,3,5,6,7,9.
92	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.	3,7,8.
93	- Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Tự chọn dụng cụ nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	2,4
94	- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		5,6,9.
95	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét	4,8
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
96	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ	5,6,9

97	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	đệm theo nhịp điệu bài hát. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	4,5,9
98	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Trẻ biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm.	4->8
99	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		5->8

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Mai Thanh